

Bản án số: 106/2025/HSST
Ngày: 24/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Thành Thật
2. Ông Nguyễn Hữu Chức

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Cẩm Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/9/2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2025/TLST-HS-KV5 ngày 10/9/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn B**; Giới tính: nam; sinh năm 2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: 6 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi ở hiện tại: 6 Đ, Thị trấn N, huyện N (nay là nay là xã N), Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Trần Thế H; Mẹ: Nguyễn Thị G;

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giam từ ngày 24/2/2025, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Hồng Minh Q, sinh năm 1994;

Địa chỉ: C đường T, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn xin vắng mặt)

2. Ông Trần Thanh B1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: D, Khu dân cư N, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: E Đường F, Tổ D, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn vắng mặt).

2. Bà Lâm Thảo D, sinh năm 2000; Địa chỉ: B Đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt)

3. Ông Ngụy Thanh D1, sinh năm 1987; Địa chỉ: 1 đường L xã N, huyện N (nay là xã H), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1982; Địa chỉ: Nhà không số, đường Đ, khu phố F, Thị trấn N, huyện N (nay là xã N), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Bà Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1966; Địa chỉ: 2 N, Phường A, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là 2 N, Phường T, tỉnh Đồng Tháp) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn B đã thực hiện hai vụ án trộm cắp tài sản, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào năm 2024, Trần Văn B có đến Tòa nhà tại địa chỉ số H đường P, Phường A, quận B thuê phòng ở khoảng gần 01 tháng, sau đó B trả phòng không thuê nữa và chuyển đi nơi khác. Đến ngày 15/02/2025, do cần tiền tiêu xài nên B nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 21 giờ 37 phút cùng ngày, B đến địa chỉ số H đường P, Phường A, quận B đi xuống hầm để xe, thấy không có ai trông coi nên B đã trộm 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 59T1 – 516.45 của ông Hồng Minh Q, sau đó dắt bộ xe mô tô ra khỏi hầm xe (xe không có chìa khóa, không có khóa cổ), sau đó B ngồi lên xe, dùng 2 chân đẩy xe đi ra đường P cách hầm xe khoảng 200m thì B thuê xe G1 đẩy xe mô tô trên về và gửi xe lấy vé tại hầm xe chung cư Đ, phường P, Quận G. Sau đó, B đi bộ về nhà tại nhà không số, hẻm C đường Đ, Khu phố F, thị trấn N, huyện N để ngủ.

Đến khoảng 08 giờ ngày 16/02/2025, B đi bộ đến chung cư Đ đưa vé xe và lấy xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 59T1 – 516.45 ra và thuê xe G1 đẩy xe đến đường dưới chân cầu P, Quận G gặp người cất chìa khóa xe. Trong lúc chờ cất chìa khóa xe, B liên hệ qua zalo với tài khoản tên “xe bỏ góp” của Phạm Văn T để cầm xe (T là người trước đây B đã gặp trực tiếp để cầm xe mô tô hiệu Honda Future biển số 59C1 – 999.62 của mẹ B, sau đó B chuộc lại khoảng 03 lần), B chụp hình xe gửi cho T và thỏa thuận cầm với giá 6.000.000 đồng, sau khi trừ hoa hồng thì còn 5.000.000 đồng và đưa thêm 200.000 đồng cho người nhận xe chạy về kho. Người này hẹn B tại địa chỉ quán “cà phê C” địa chỉ số A đường L, Quận E, khi tới nơi thì B gặp 01 thanh niên tên “B2” (chưa rõ lai lịch, là “cò” cầm xe cho T), sau đó B báo với T là đã giao xe cho “Bảo” và T chuyển khoản vào tài khoản của B với số tiền là 4.800.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 00 phút chiều ngày 17/02/2025, B quay lại địa chỉ số H đường P, Phường A, quận B, xuống hầm xe để tìm xe trộm cắp tiếp. B giả vờ bấm thang máy đi lên tầng G sau đó đi ra trước

đường để xem tình hình thì bị anh Nguyễn Văn N (là quản lý tòa nhà) nghi vấn phát hiện và báo Công an phường A tới mời B về trụ sở làm việc.

Bản kết luận định giá số 39/KLĐGTS-TCKH ngày 21/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận B kết luận: 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX, biển số 59T1 – 516. 45 tại thời điểm ngày 15/02/2025 có giá trị là 9.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 16/02/2025, Trần Văn B đi ăn với bạn tại đường G, phường P, Quận G, ăn xong B đi bộ về. Khi đến trước nhà số A đường H, phường P, Quận G thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số: 63B9-068.11 của anh Trần Thanh B1 không có ai trông coi, không khóa cổ xe nên lợi dụng lúc không có ai B1 lấy trộm xe rồi dắt bộ ra đường Đ và thuê tài xế xe ôm đẩy về chung cư Đ, phường P, Quận G, mang xe đi gửi vào trong hầm xe rồi đi về nhà tại huyện N. Khoảng 09 giờ ngày 17/02/2025, B1 đón xe ôm đến chung cư Đ và xuống hầm lấy xe và thuê xe ôm đẩy đến tiệm sửa khóa trên đường H (không nhớ rõ địa chỉ) để làm chìa khóa xe với giá 120.000 đồng. Sau khi làm xong khóa thì B1 chạy xe đến số B đường số A, phường B, quận B để cầm xe. B1 gọi điện thoại cho T nói có xe AirBlade muốn cầm, T hỏi xe của ai thì B1 nói xe của bạn mua trả góp ngân hàng, anh T đồng ý và kêu B1 gửi hình xe qua cho anh T xem. B1 chụp hình xe và gửi cho anh T xem, sau khi xem xong anh T đồng ý cầm với giá 5.000.000 đồng và chuyển khoản 5.000.000 đồng cho B1. Sau khi nhận được tiền, B1 giao xe trên cho anh T, anh T nhờ chị Lâm Thảo D (là bạn gái anh T) chạy xe xuống tầng hầm xe nhà chị D tại nhà số B, đường số A, phường B, quận B.

Bản kết luận định giá số 883/HĐĐGTS ngày 24/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận G kết luận: 01 xe gắn máy hiệu Honda AirBlade, biển số 63B9-068.11 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 15.500.000 đồng.

- Trách nhiệm dân sự: Anh Hồng Minh Q, anh Trần Thanh B1, anh Nguyễn Thanh D1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 27/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Văn B về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn B thừa nhận hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn B

Xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội :
“Trộm cắp tài sản”

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh thu thập và bị cáo cung cấp đều thực hiện đúng quy trình, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó những chứng cứ tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, dùng nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Do cần tiền tiêu xài, Trần Văn B đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

Vào khoảng 21 giờ 37 phút ngày 15/02/2025, tại địa chỉ số H đường P, Phường A, quận B, lợi dụng lúc không có ai trông coi, Trần Văn B đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 59T1-516.45 của anh Hồng Minh Q trị giá 9.000.000 đồng.

Vào khoảng 20 giờ ngày 16/02/2025, tại địa chỉ số A đường H, phường P, Quận G, lợi dụng lúc không có ai trông coi Trần Văn B đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 63B9-068.11 của anh Trần Thanh B1 trị giá 15.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 24.500.000 đồng.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, vừa gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên, đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, động cơ tư lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Vấn đề khác:

Đối với Phạm Văn T, T khai nhận hoạt động cầm cố tài sản, xe máy trả góp không có giấy tờ, do B1 từng cầm 01 xe mô tô hiệu Honda Future biển số 59C1 – 999.62 nhiều lần và chuộc lại đầy đủ, nên T tin tưởng và nhận cầm xe của B1. Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 59T1 – 516.45 và 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 63B9 – 06811 khi cầm B1 nói với T là xe của bạn nhờ đem đi cầm vì thiếu tiền nên T nhận cầm, không biết tài sản do B1 phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với T.

Bà Lâm Thảo D chỉ được nhờ chạy xe xuống tầng hầm và hưởng tiền công 200.000đ từ ông T, không biết về việc kinh doanh của ông T cũng như không biết hành vi của B1 nên không có cơ sở để xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Hồng Minh Q, anh Trần Thanh B1, anh Nguyễn Thanh D1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm, ông Phạm Văn T không yêu cầu bị cáo B1 trả lại số tiền ông đưa cho B1 khi B1 cầm cố xe, Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax của Trần Văn B: đây là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc với Phạm Văn T để cầm cố xe mô tô hiệu

Honda Wave RSX biển số 59T1 – 516.45. Do vậy, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Realme 11 của ông Phạm Văn T: quá trình điều tra đã xác định T không biết tài sản do B cầm cố là phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý. Do vậy, cần giao trả lại điện thoại trên cho ông Phạm Văn T.

- Đối với 01 áo khoác dài tay màu xám, 01 quần kaki dài màu đen của Trần Văn B: đây là trang phục bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên quyết định tịch thu tiêu hủy.

- Bị cáo hưởng lợi 9.800.000 đồng từ việc cầm cố 2 chiếc xe cho ông Phạm Văn T, do vậy buộc bị cáo phải nộp lại 9.800.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 24/2/2025.

2/ Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax (không kiểm tra tình trạng hoạt động).

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 áo khoác dài tay màu xám, 01 quần kaki dài màu đen.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản, ngày 09/9/2025 của Phòng Thi Hành án dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

Buộc bị cáo nộp lại 9.800.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

4/ Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải nộp 490.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM ;
- VKSND KV5 – TP.HCM;
- Cơ sở giam giữ ;
- Bị cáo ;
- PC10 ;
- PC06 ;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – TP.HCM;
- Thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền Long